

Số: /KH-UBND

Xín Mần, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Xín Mần năm 2024

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 27/4/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 12/8/2022 của UBND huyện thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Xín Mần giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 6966/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Xín Mần năm 2024, cụ thể như sau:

I. Thực trạng hộ nghèo đa chiều cuối năm 2023.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 (thực hiện năm 2024): Số hộ nghèo đa chiều: 8.632 hộ; chiếm **58,82%** tổng số hộ toàn huyện (giảm 864 hộ, giảm 6,07% so với năm 2023); Trong đó:

- Số hộ nghèo: 6.591 hộ, chiếm **44,91%** tổng số hộ toàn huyện (giảm 846 hộ, giảm 5,91% so với năm 2023);

- Số hộ cận nghèo: 2.041 hộ, chiếm **13,91%** tổng số hộ toàn huyện (giảm 18 hộ, giảm 0,16% so với năm 2023)

* **Mức độ thiếu hụt các nhu cầu xã hội cơ bản của hộ nghèo đa chiều.**

- Tiêu chí 1: Việc làm

+ Chỉ số 1.1. Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm; hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động: 1.966 hộ, chiếm 22,78% tổng số hộ nghèo đa chiều;

+ Chỉ số 1.2. Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%: 2.147 hộ, chiếm 24,87% tổng số hộ nghèo đa chiều;

- Tiêu chí 2: Y tế

+ Chỉ số 2.1. Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi: 2.190 hộ, chiếm 25,37% tổng số hộ nghèo đa chiều;

+ Chỉ số 2.2. Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 06 tuổi trở lên không có thẻ bảo hiểm y tế: 8.173 hộ, chiếm 94,68% tổng số hộ nghèo đa chiều;

- Tiêu chí 3: Giáo dục

+ Chỉ số 3.1. Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng: 2.927 hộ, chiếm 33,91% tổng số hộ nghèo đa chiều;

+ Chỉ số 3.2. Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi: 726 hộ, chiếm 8,41% tổng số hộ nghèo đa chiều;

- Tiêu chí 4: Nhà ở

+ Chỉ số 4.1. Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc: 3.644 hộ, chiếm 42,22% tổng số hộ nghèo đa chiều;

+ Chỉ số 4.2. Diện tích nhà ở bình quân dưới 8m²/người: 1.137 hộ, chiếm 13,17% tổng số hộ nghèo đa chiều;

- Tiêu chí 5: Nước sinh hoạt và vệ sinh

+ Chỉ số 5.1. Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt: 1.858 hộ, chiếm 21,52% tổng số hộ nghèo đa chiều;

+ Chỉ số 5.2. Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 3.933 hộ, chiếm 45,56% tổng số hộ nghèo đa chiều;

- Tiêu chí 6: Tiếp cận thông tin

+ Chỉ số 6.1. Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng internet: 1.329 hộ, chiếm 15,40% tổng số hộ nghèo đa chiều;

+ Chỉ số 6.2. Hộ gia đình không có Tivi, dàn nghe nhạc, máy vi tính/máy tính máy tính bảng, điện thoại (cố định/di động): 455 hộ, chiếm 5,27% tổng số hộ nghèo đa chiều;

II. Mục tiêu năm 2024.

1. Mục tiêu tổng quát.

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân đặc biệt là ở các địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn (thông qua tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp và hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp,

khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo), tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) Mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo đa chiều.

Phấn đấu giảm **935** hộ nghèo đa chiều, giảm tỷ lệ nghèo đa chiều trên 6,31%, các xã ĐBKK giảm trên 6,5%, hạn chế thấp nhất hộ tái nghèo và hộ nghèo phát sinh mới.

(Có phụ lục 01 đính kèm)

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ Giải quyết việc làm cho 2.000 lao động, trong đó đi làm việc ở nước ngoài và các tỉnh trong nước 1.580 lao động.

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; Trong đó hỗ trợ 750 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm ổn định;

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 96,71%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng giảm còn 19,07%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 98%;

+ Tập trung đào tạo các ngành nghề phù hợp trình độ từ sơ cấp trở lên cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo để có việc làm ổn định, tăng thu nhập. phấn đấu cuối năm 2024 tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện đạt 61%.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 599 hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở trên địa bàn huyện (trong đó xây mới 469 hộ, sửa chữa 130 hộ);

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Phấn đấu 82% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 52% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh cuối năm 2024 đạt 98%;

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 83% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 92% các hộ gia đình sinh

sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản sản phẩm truyền thông.

III. Nhiệm vụ.

Trên cơ sở Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND huyện, kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Xín Mần giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương và của tỉnh, các ngành chức năng; UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án, tiểu dự án và hoạt động thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 theo nhiệm vụ được phân công, bao gồm:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo;

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Trên cơ sở hướng dẫn số 2475/HD-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh, về triển khai thực hiện Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với UBND các xã, thị trấn hoàn thành việc rà soát, lập danh mục các công trình/dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025 gửi Phòng Tài chính- Kế hoạch, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thẩm định, báo cáo UBND tỉnh xem xét, cho chủ trương trước khi phê duyệt danh mục dự án đầu tư khởi công mới năm 2023 theo quy định. Danh mục các công trình/dự án đầu tư cần đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các thông tư, quyết định, văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan Trung ương...

Thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo (*lưu ý các công trình duy tu bảo dưỡng phải đúng các công trình thuộc nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Mục III Chương trình kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg*).

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.

UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị được giao chủ đầu tư rà soát, lựa chọn, xây dựng Dự án trình Ủy ban nhân dân huyện thẩm định và phê duyệt triển khai thực hiện.

Trình tự thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm

việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh, Quy định cơ chế quay vòng hỗ trợ sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang...

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp;

Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn tiếp tục rà soát, lựa chọn, xây dựng Dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện các dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

Trình tự thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư 04/2022/TT-BNN PTTN ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh, Quy định cơ chế quay vòng hỗ trợ sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang...

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng;

Trung tâm Y tế, UBND các xã, thị trấn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú theo hướng dẫn tại Quyết định 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn;

Phòng Lao động - TB&XH, Trung tâm GDNN-GDTX huyện, UBND các xã, thị trấn tiếp tục triển khai:

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo cho Trung tâm GDNN-GDTX huyện

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện.

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện; Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Phòng Lao động - TB&XH, UBND các xã, thị trấn triển khai hỗ trợ người lao động sinh sống trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Nội dung thực hiện theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững.

Phòng Lao động – TB&XH chủ trì và phối hợp hướng dẫn UBND các xã, thị trấn triển khai các hoạt động:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.
- Hỗ trợ giao dịch việc làm.
- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.
- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.
- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

Nội dung thực hiện theo Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo.

Phòng Kinh tế & Hạ tầng chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan, UBND các xã, thị trấn trên cơ sở Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh, phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và số kinh phí được giao năm 2024, tập trung triển khai theo quy định.

Quy trình thực hiện theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Công văn số 580/SXD-QH ngày 18/4/2023 của Sở Xây dựng, về việc đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình

mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin;

Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND các xã, thị trấn: Thực hiện đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở và các nội dung khác theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, hướng dẫn dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

Phòng Lao động – TB&XH chủ trì phối hợp với các ngành; UBND các xã, thị trấn triển khai các hoạt động:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.
- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.
- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.
- Triển khai thực hiện phong trào thi đua “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau trên địa bàn huyện Xín Mần giai đoạn 2021-2025” theo Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện; biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.
- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cấp xã.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình;

Phòng Lao động – TB&XH chủ trì phối hợp với các ngành thành viên Ban chỉ đạo huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai:

- Xây dựng tài liệu và Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người

nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

b) *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá.*

Phòng Lao động – TB&XH, các ngành thành viên Ban chỉ đạo huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai:

- Thực hiện Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 03/03/2023 của UBND huyện, Kế hoạch giám sát đánh giá thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Xín Mần;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ hoặc đột xuất;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ và thường xuyên năm 2024 ở các cấp;

- Thực hiện cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

Quy trình thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và phương án tổ chức triển khai thực hiện của tỉnh; Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

IV. Kinh phí.

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ nguồn NSNN theo phân cấp quản lý hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định; lồng ghép với nguồn kinh phí các chương trình MTQG để thực hiện, bao gồm:

1. Vốn NSNN thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 (Theo Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh, về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh, về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024): **120.633** triệu đồng (NSTW: 116.853 triệu đồng, NSDP: 3.780 triệu đồng); trong đó Vốn ĐTP: 56.437 triệu đồng, Vốn sự nghiệp: 64.196 triệu đồng

(Có biểu phụ lục 2 đính kèm)

2. **Vốn lồng ghép** từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

3. **Vốn tín dụng, vốn huy động** của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. Tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch, trên cơ sở Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành trung ương, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định UBND tỉnh hướng dẫn triển khai Chương trình; Hướng dẫn số 1288/UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện 3 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Hướng dẫn số 2424/HD-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh, về triển khai thực hiện Quyết định giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023; Hướng dẫn số 2436/HD-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh, tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2023, các cơ quan, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục tham mưu hướng dẫn, triển khai các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025; xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 có hiệu quả, góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của huyện (*phần đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2024 và vốn được kéo dài năm 2023 sang năm 2024 được UBND huyện giao*).

2. **Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội** (cơ quan Thường trực giúp việc cho BCĐ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững): Phối hợp với các ngành thành viên Ban chỉ đạo huyện hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án được phân công; đôn đốc các ngành, UBND các xã, thị trấn thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, tổng hợp báo cáo UBND huyện theo quy định.

3. **Phòng Tài chính - Kế hoạch**: Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, ban ngành có liên quan hoàn thành công tác tham mưu UBND huyện phê duyệt danh mục dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đảm bảo đầu tư đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung của Chương trình.

4. **Trung Tâm Y tế**: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện tiểu dự án 2 (Dự án 3): Cải thiện dinh dưỡng.

5. **Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**: Chủ trì hướng dẫn các xã thị trấn, lựa chọn, xây dựng dự án, tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất có giá trị

kinh tế cao theo định hướng của huyện; tham mưu cho UBND huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt các dự án, tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện.

6. Phòng Kinh tế & Hạ tầng: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

7. Phòng Văn hóa-Thông tin: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 (Dự án 6) Giảm nghèo về thông tin.

8. Các cơ quan, ban, ngành: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp tham gia tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Xín Mần và các tổ chức chính trị xã hội tham gia tuyên truyền, phổ biến, thực hiện, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tích cực tham gia Chương trình; nâng cao năng lực thực hiện công tác giảm nghèo cho hội viên; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình.

10. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Trên cơ sở kinh phí Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 được giao, xây dựng dự án, đề án trình UBND huyện phê duyệt triển khai thực hiện, chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

VI. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng, quý và 20/12 các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện Chương trình qua Cơ quan thường trực – Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Xín Mần năm 2024 của UBND huyện Xín Mần. Đề nghị các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH;
- TTr Huyện ủy,
- TTr HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH huyện;
- CVP, các PVP HĐND-UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Hòa

PHỤ LỤC I
KẾ HOẠCH GIẢM HỘ NGHÈO ĐA CHIỀU NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /01/2024 của UBND huyện

STT	Tên xã, thị trấn	Số hộ nghèo đa chiều giảm	Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm (%)	Ghi chú
1	Thị trấn Cốc Pài	30	2,07	
2	Nàn Xín	45	6,04	
3	Xín Mần	20	6,19	
4	Chí Cà	42	6,03	
5	Thèn Phàng	60	6,01	
6	Bản Díu	60	5,84	
7	Pà Vây Sủ	30	7,01	
8	Nàn Ma	50	7,07	
9	Bản Ngò	48	6,16	
10	Nám Dẩn	50	6,01	
11	Trung Thịnh	70	5,38	
12	Cốc Rê	31	6,01	
13	Tả Nhìu	88	10,03	
14	Chế Là	52	7,24	
15	Thu Tà	45	7,36	
16	Quảng Nguyên	64	5,67	
17	Nà Chì	110	10,22	
18	Khuôn Lùng	40	6,45	
	Chung toàn huyện	935	6,31	

PHỤ LỤC II
NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Xín Mần)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội Dung	Tổng Cộng	Trong đó	
			NSTW	NSDP
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)	120.633.000.000	116.853.000.000	3.780.000.000
*	Vốn đầu tư phát triển	56.437.000.000	54.793.000.000	1.644.000.000
*	Vốn Sự nghiệp	64.196.000.000	62.060.000.000	2.136.000.000
1	Dự án 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	-		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo,	63.054.000.000	61.410.000.000	1.644.000.000
	Vốn đầu tư phát triển	56.437.000.000	54.793.000.000	1.644.000.000
	Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng	6.617.000.000	6.617.000.000	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	15.932.000.000	15.932.000.000	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	8.614.000.000	8.614.000.000	-
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	6.586.000.000	6.586.000.000	
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	2.028.000.000	2.028.000.000	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	5.295.000.000	5.295.000.000	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	3.793.000.000	3.793.000.000	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	520.000.000	520.000.000	
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	982.000.000	982.000.000	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	23.496.000.000	21.360.000.000	2.136.000.000
	Hỗ trợ xây mới nhà ở	20.636.000.000	18.760.000.000	1.876.000.000
	Hỗ trợ sửa chữa nhà ở	2.860.000.000	2.600.000.000	260.000.000

6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.815.000.000	1.815.000.000	-
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	1.175.000.000	1.175.000.000	
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	640.000.000	640.000.000	
7	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình	2.427.000.000	2.427.000.000	-
	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	1.316.000.000	1.316.000.000	
	Tiểu Dự án 2: Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá	1.111.000.000	1.111.000.000	